

ISUZU

QKR

BLUEPOWER

ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ DIESEL SẠCH

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM



695 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, Tp. HCM



(84-28)3 895 9203



/xetaisuzuvietnam



www.isuzu-vietnam.com



Tìm hiểu thêm xe tải QKR
Truy cập vào website ISUZU

ISUZU QKR

XE TẢI CỦA MỌI NHÀ



I-TRUCKS



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẮT XI / CHASSIS SPECIFICATION			QKR77FE4A	QKR77FE4	QKR77HE4A	QKR77HE4
KHỐI LƯỢNG / MASS						
Khối lượng toàn bộ / Gross vehicle mass		kg	3490	5000	4990	5500
Khối lượng bản thân / Kerb mass		kg	1885		1895	
Số chỗ ngồi / Number of seats		Người / Person	3			
Thùng nhiên liệu / Fuel tank		lít / Liter	100			
KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS						
Kích thước tổng thể / Overall dimension		OAL x OW x OH	mm	5080 x 1860 x 2200		5830 x 1860 x 2200
Chiều dài cơ sở / Wheel base		WB	mm	2750		3360
Vệt bánh xe trước - sau / Front - Rear treat		AW/CW	mm	1385 / 1425		1385 / 1425
Khoảng sáng gầm xe / Ground clearance		HH	mm	190		190
Chiều dài đầu xe - đuôi xe / Front - rear over hang		FOH / ROH	mm	1010 / 1320		1010 / 1460
Chiều dài sắt xi lắp thùng / Cab to end frame		CE	mm	3350		4080
ĐỘNG CƠ - TRUYỀN ĐỘNG / ENGINE - TRANSMISSION						
Tên động cơ / Model			4JH1E4NC			
Loại động cơ / Type			Phun nhiên liệu điện tử, turbo tăng áp - làm mát khí nạp Common rail, turbo-intercooler			
Tiêu chuẩn khí xả / Emission			EURO 4			
Dung tích xy lanh / Displacement		cc	2999			
Đường kính và hành trình piston / Bore & stroke		mm	95,4 x 104,9			
Công suất cực đại / Max. power		Ps(kW)/rpm	105 (77) / 3200			
Mô-men xoắn cực đại / Max. torque		N.m(kgf.m)/rpm	230 (23) / 1400 ~ 3200			
Hộp số / Transmission			MSB5S 5 số tiến & 1 số lùi / 5 Forward & 1 Reverse			
TÍNH NĂNG VẬN HÀNH / PERFORMANCE						
Tốc độ tối đa / Max. speed		km/h	95			
Khả năng vượt dốc tối đa / Max. gradeability		%	47	32	32	29
Bán kính quay vòng tối thiểu / Min. turning radius		m	5,8		6,7	
HỆ THỐNG CƠ BẢN / BASIC SYSTEMS						
Hệ thống lái / Steering system		Trục vít - ê cu bi trợ lực thủy lực Recirculating ball with hydraulic assisted				
Hệ thống treo trước - sau / Suspension system front - rear		Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực Dependent, leafspring, shock absorber				
Hệ thống phanh trước - sau / Brake system front - rear		Tang trống, phanh dầu mạch kép trợ lực chân không Drum, hydraulic with vacuum servo assistance, dual circuit				
Kích thước lốp trước - sau / Tire size front - rear		7.00 - 15 12PR				
Máy phát / Generator		12V-60A				
Ắc quy / Battery		12V-70AH x 2				
TRANG THIẾT BỊ / EQUIPMENT						
● 2 tấm che nắng cho tài xế & phụ xế / 2 sunvisors driver & co-driver			● Dây an toàn 3 điểm / 3-point seat belts			
● Kính chỉnh điện & Khóa cửa trung tâm / Power window & Central door lock			● Kèn báo lùi / Reversing warning buzzer			
● Tay nắm cửa an toàn bên trong / Inside guard bar			● Hệ thống làm mát và sưởi kính / Cooler and defroster			
● Núm mùi thuốc / Cigar lighter			● USB-MP3, AM-FM radio			
● Máy điều hoà / Air conditioner			● Hộp đen lưu dữ liệu hoạt động xe DRM / Data recording module			

Ghi chú: Thông số kỹ thuật và trang thiết bị có thể thay đổi mà không báo trước

Note: Specification & equipment are subject to change without notice

Bản vẽ / Drawing

Hình ảnh / Photo



XE TẢI CỦA MỌI NHÀ
Trucks for everyone

CÔNG NGHỆ MỚI HIỆN ĐẠI
Cutting - edge technology

BỀN BỈ, LINH HOẠT
Durable and flexible

Trang bị dây an toàn cho tất cả các ghế
Seat belts for all seats

2 tấm che nắng cho tài xế & phụ xế
2 sunvisors for driver & co-driver

Đèn halogen phản quang đa điểm
Multi-point reflector Halogen headlamp

Kính chỉnh điện & Khóa cửa trung tâm
Power window & Central door lock

Hộc đựng đồ hai bên tiện lợi
Convenient door pockets

Tăng thêm nguồn điện với 2 bình ắc quy
More power with 2 batteries

Động cơ Common rail, turbo tăng áp - Blue Power
Common rail, turbo-intercooler - Blue Power

Chẩn đoán và phân tích dữ liệu bằng G-IDSS
Analyzed and diagnosed by G-IDSS

Xe tải hạng nhẹ Isuzu Q-Series được trang bị động cơ Common rail Euro 4 hiện đại, bền bỉ và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Đây là dòng “xe tải cho mọi nhà”, được ưa chuộng với chất lượng đạt tiêu chuẩn Nhật Bản, vận hành linh hoạt và giá thành hợp lý. Isuzu Q-Series light duty truck is equipped with Euro 4 Common rail Engine, which is famous for cutting-edge technology, durability and fuel efficiency. Q-Series are the “Trucks for everyone”, which are highly recommended for Japanese quality, flexible operation and reasonable price.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION		QKR77FE4				QKR77HE4				
		Thùng kín (VAN)		Mui bạt (Canvas)		Thùng kín (VAN)		Mui bạt (Canvas)		
KHỐI LƯỢNG / MASS										
Khối lượng toàn bộ / Gross vehicle mass	kg	4350	4990		4200	4990	4990		4850	4990
Khối lượng hàng chuyên chở / Payload	kg	1490	2200	2350	1490	2350	1990	2050	1990	2150
KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS										
Kích thước tổng thể DxRxC / Overall Dimension LxWxH	mm	5380x1875x2870			5380x1875x2895		6130x1875x2870		6130x1860x2880	
Kích thước lọt lòng thùng DxRxC / Cargo Inside Dimension LxWxH	mm	3570x1760x1860			3590x1740x1020/1900		4330x1760x1860		4330x1735x660/1890	